**Danh mục làng bảo tồn không gian làng mức độ 3**

***1. Thành phố Bắc Ninh (43 làng)***

**Phường Ninh Xá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 01 | Khu Đọ Xá  (Làng Đỗ Xá) | Làng nội thị, làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Đọ Xá; chùa Đọ Xá (Minh Quang tự), đền Chợ (Đỗ Linh từ); chùa Âm Hồn (Kế Thiên tự); nhà thờ họ Đỗ; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan khu vực đình, chùa Đọ Xá; Nhà Bia thờ liệt sĩ, chợ Đọ; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ. | Mức 3 |

**Phường Kinh Bắc**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 02 | Khu Niềm Xá  (Làng Niềm) | Làng nội thị, làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Niềm Xá; chùa Niềm (Linh Quang tự); chùa Đại Thành; chùa Hội Thiện; đền thờ bà chúa Liễu Hạnh; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan khu vực đình chùa, đền, hai miếu cổ, bãi nghè; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 03 | Khu Thị Chung  (Làng Yên Chợ) | Làng nội thị, làng quan họ | Bảo tồn Công trình kiến trúc đình Thị Chung, chùa Thị Chung (Linh Quang tự); Bảo tồn tôn tạo hồ nước Khu vực UBND phường Kinh Bắc; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 04 | Khu Yên Mẫn  (Yên Giữa) | Làng nội thị, làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Yên Mẫn, chùa Di Đà; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống ao, hồ sen trong làng, trước cửa đình, chùa; Bảo tồn, quy hoạch chợ Yên; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 05 | Y Na  (Làng Nưa) | Làng nội thị, làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc Đình Y Na, Chùa Phúc Thọ; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống ao hồ, cảnh quan trong làng, dọc đường Hồ Ngọc Lân; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ, hát Trống quân | Mức 3 |

**Phường Đại Phúc**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 06, 07,  08, | Khu 1,2-3,4,  (làng Đại Tráng) | Làng nội thị, | Bảo tồn công trình kiến trúc chùa Âm Hồn (Đồng Nhân Tự), chùa Cao (Linh Sơn Tự); nghè Thượng Thần, Lăng mộ quận công (thời Lê) Bùi Nguyễn Thái (khu1); Đình Thượng (khu 4); Chùa Cốc, văn chỉ tổng Đỗ Xá (khu3); Bảo tồn mặt nước, cây xanh, cảnh quan đồi thấp; Bảo tồn Nhà thờ “Trung chi thứ phái tích thiện đường” 200 tuổi (khu 4). | Mức 3 |
| 09, 10,  11,  12,  13 | Khu 5,6,7,8,9  (làng Đại Tráng) | Làng nội thị | Bảo tồn công trình kiến trúc chùa Đại Phúc (khu 6); Đình Lựu (khu 5), đình Ngang (khu 6), đình Pheo (khu 7); đền thờ Tổ danh y (thời Lê) Nguyễn Phúc Xuyên, 03 Từ đường 400 năm họ Nguyễn (khu 7); Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan ven làng; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh cảnh quan khu vực phía nam giáp QL 1A. | Mức 3 |
| 14 | Khu 10 (làng Phúc Đức) | Làng nội thị; làng ven đồi | Bảo tồn công trình kiến trúc Văn miếu; Đình làng Phúc Đức, Chùa xóm 10 (Cao Sơn Tự); Bảo tồn khu đồi Văn Miếu (đồi Nác); Bảo tồn mặt nước, cây xanh cảnh quan khu vực quanh đồi Văn Miếu. | Mức 3 |

**Phường Vũ Ninh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 15 | Khu Thanh Sơn  (Làng Thanh Sơn) | Làng nội thị; làng quan họ; làng ven núi | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Thanh Sơn; chùa Thanh Sơn (Nguyệt Quang tự); Đền Quan; Nhà thờ Công giáo Thanh Sơn; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan khu vực đình, chùa, đền, hồ nước sau TTVH Kinh Bắc; Bảo tồn cảnh quan núi Điều; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 16 | Khu Phương Vỹ(làng Phương Vĩ) | Làng nội thị; làng ven núi | Bảo tồn một phần hình thái làng ven đồi Búp Lê; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Phương Vỹ, chùa Phương Vỹ (Phúc Lâm Tự), nghè Quýt; Bảo tồn tôn cảnh quan núi Búp Lê, hồ Búp Lê; | Mức 3 |

**Phường Võ Cường**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 17 | Khu Khả Lễ  (Làng Sẻ) | Làng nội thị; làng ven đồi; làng an họ | Bảo tồn không gian làng ven đồi Sẻ, Bảo tồn công trình kiến trúc đình Khả Lễ, chùa Khả Lễ, chùa Linh Ứng, Đền Khả Lễ; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan khu vực hồ thủy đình, cảnh quan núi Sẻ; Đề nghị xây nhà thấp tầng trong khu vực làng cổ (núi Sẻ); Đề xuất quy hoạch không gian xanh bao quanh làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 18 | Khu Hòa đình  (Làng Nhồi) | Làng nội thị; làng nghề; làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa Hòa Đình (Hồng Quang Tự), đền Hòa Đình (thờ Lê Phụng Hiểu); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan hồ trước khu vực đình, chùa, nhà văn hóa, cổng làng; Bảo tồn, khôi phục nghề trồng rau, trồng hoa, chợ đầu mối nông sản; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 19 | Khu Bồ Sơn | Làng nội thị; làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Bồ Sơn, chùa Bồ Sơn (Đại Giác tự), Miếu thờ đức Đống Bính; Bảo tồn không gian lễ hội, hồ nước, không gian cây xanh các khu đồi thấp; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |

**Phường Vạn An**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 20 | Khu Đương Xá  (Đặng) | Làng nội thị; làng ven sông; làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Đương Xá, chùa Linh Quang, chùa Láng (Thanh Lãng tự); Bảo tồn di chỉ lò gốm cổ bên sông Ngũ Huyện Khê (truyền thuyết Bà chúa Sành); Bảo tồn không gian mặt nươc, cây xanh; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Ngũ Huyện Khê; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 21 | Khu Thụ Ninh  (Làng Thọ Ninh) | Làng Nội thị; Làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Thụ Ninh, chùa Thọ Ninh (Linh Quang Tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 22 | Làng Vạn Phúc | Làng nội thị; làng ven sông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Vạn Phúc, đền làng Vạn Phúc (đền Mẫu Thoải); Đề xuất di chuyển khu dân cư ngoài đê sông Cầu vào phía trong. | Mức 3 |

**Phường Phong Khê**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 23 | Làng Dương Ổ  (Đống Cao) | Làng nội th; làng ven sông; làng nghề; làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Dương Ổ, chùa Dương Ổ, (Hồng Ân Tự), Chùa Vạc (Sùng Ân Tự), Đền Dương Ổ; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan ven sông Ngũ Huyện Khê; Khôi phục đoạn sông Tiêu Tương; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ, nghề sản xuất giấy gió. | Mức 3 |
| 24 | Làng Đào Xá  (Điều Thôn) | Làng nội thị; ven; sông; làng nghề; làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Đào Xá, chùa Đào Xá (Thọ Phúc Tự). Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Ngũ Huyện Khê; bảo tồn nghề làm giấy gió, khôi phục văn hóa ẩm thực cỗ chay Đào Xá; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |

**Xã Hòa Long**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 25 | Làng Xuân Viên (Vườn Xuân, Vườn Hồng) | Làng ven thị; làng ven sông; ven đồi; làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Xuân Viên, chùa (Thọ Vực Tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cải tạo chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Ngũ Huyện Khê; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |
| 26 | Làng Xuân Đồng (Đồng Mật) | Làng ven thị; làng quan họ | ; Bảo tồn công trình kiến trúc đình Xuân Đồng, chùa Đồng Mật; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan các hồ nước quanh làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; | Mức 3 |
| 27 | Làng Xuân Ái (Súi) | Làng ven thị; làng quan họ | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Xuân Ái, chùa Xuân ái (Tháp Hoa Tự), đền Giếng, di tích giếng đất, tục thờ thần giếng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; | Mức 3 |

**Phường Khắc Niệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 28 | Khu Thượng  Làng Ném Thượng | Làng nội thị; làng ven núi | Bảo tồn công trình kiến trúc đình làng Ném Thượng, chùa làng Thượng (Đại Bi Tự); Bảo tồn mặt nước cây xanh, cảnh quan núi Ngoan Sơn (núi Chùa); Bảo tồn không gian lễ hội truyền thống (800 năm) tục rước, chém ông Ỷ (chém lợn) | Mức 3 |
| 29 | Kh. Tiền Trong  (Ném Tiền) | Làng nội thị; làng quan họ; làng nghề | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Tiền Trong, chùa Tiền Trong; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; Bảo tồn phát huy làng nghề sản xuất bún; Bảo tồn không gian mặt nước phía bắc và phía nam làng, canh quan dọc kênh Nam; | Mức 3 |
| 30 | Kh. Tiền Ngoài  (Ném Tiền) | Làng nội th; làng quan họ; làng nghề | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Tiền Ngoài, chùa Tiền Ngoài; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; Bảo tồn phát huy nghề sản xuất bún; Bảo tồn không gian mặt nước phía bắc và phía nam làng; Bảo tồn tôn tạo chợ Ném Tiền; | Mức 3 |

**Phường Vân Dương**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 31 | Khu Chu Mẫu  (Thôn Chu Mẫu) | Làng nội thị; thuần nông; làng đồng bằng | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Chu Mẫu, chùa Chu Mẫu, đền Thánh Mẫu Tam Giang, nghè Chu Mẫu, nhà cố trạch; Bảo tồn, cải tạo khu chợ Chu Mẫu; Bảo tồn không gian mặt nước; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Tào Khê; | Mức 3 |
| 33 | Khu Vân Trại  (Vân Trại) | Làng ven thị; ven núi; thuần nông | Công trình kiến trúc đình, chùa; Bảo tồn, tôn tạo không gian cây xanh hồ nước trong làng và phía tây làng; Bảo tồn không gian cây xanh, cảnh quan núi thấp; | Mức 3 |

**Phường Hạp Lĩnh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 34 | Khu Sơn  (Thôn Sơn-Làng Chợ) | Làng nội thị; làng ven núi; làng thuần nông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa khu Sơn, chùa (Linh Sơn tự); Bảo tồn không gian mặt nước phía tây làng; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan, rừng cây núi Và, chợ Và; | Mức 3 |
| 35 | Khu Ất | Làng nội thị; thuần nông; làng ven đồi | Bảo tồn công trình kiến trúc chùa làng Ất (Long Vân tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian cảnh quan đồi Con Cóc; Bảo tồn không gian cây xanh, mặt nước phía nam Ấp Ong. | Mức 3 |
| 36 | Khu Tiên Xá | Làng nội thị; thuần nông; làng đồng bằng | Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa (Long Khánh tự), bãi Nghè, Văn chỉ; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước phía đông làng; | Mức 3 |

**Xã Nam Sơn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 37 | Làng Đa Cấu | Làng ven thị; làng ven núi; thuần nông | Bảo tồncông trình kiến trúc đình Đa Cấu; Tôn tạo cảnh quan, rừng cây núi Đa Cấu; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước quanh làng, dọc kênh Nam; Đề nghị xây dựng nhà ở thấp tầng khu vực ven núi; | Mức 3 |
| 38 | Làng Đông Dương | Làng ven thị; làng đồng bằng; thuần nông | Công trình kiến trúc chùa Đông Dương; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, cây xanh, mặt nước trong làng, phía nam làng; | Mức 3 |

**Xã Kim Chân**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 39 | Đạo Chân | Làng ven thị; đồng bằng; thuần nông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Đạo Chân, chùa Đạo Chân, nghè; Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh; | Mức 3 |
| 40 | Phú Xuân | Làng ven thị; làng ven sông; đồng bằng; thuần nông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Phú Xuân, chùa Phú Xuân; Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Tào Khê; | Mức 3 |

**Phường Thị Cầu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 41 | Làng Thị Cầu | Làng nội thị; làng ven núi, làng quan họ; làng nghề | Bảo tồn công trình kiến trúc chùa Điều Sơn (chùa Đèo), Đền Điều Sơn (đền Mẫu), chùa Cao (Phúc Cao Tự) ở núi Thành, Đình Kim; Bảo tồn văn hóa ẩm thực: nấu cỗ, làm bánh kẹo; Bảo tồn khôi phục nghề kim hoàn, gò đồng, trạm bạc; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan cây xanh mặt nước khu xóm Dải Áo, hồ đồng Trầm, các đồi ông Sáu, núi Pháo Thủ (ông Tư) núi Điều, núi Thành, núi Búp lê; Cải tạo, nâng cấp chợ Cầu Kim; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ | Mức 3 |

**Phường Đáp Cầu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 42 | Làng Đáp Cầu | Làng nội thị; làng ven sông; làng ven núi | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Đáp Cầu, chùa Đáp Cầu (Bảo Uyên Tự), Khu lưu niệm Hoàng Quốc Việt; Nhà thờ họ Vũ Đình; Bảo tồn văn hóa ẩm thực: đặc sản bánh giò Đáp Cầu; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, cây xanh, mặt nước khu vực phía đông phường, cảnh quan đồi Pháo Thủ, đồi X2, cảnh quan dọc đê sông Cầu, cải tạo chợ Đáp Cầu; | Mức 3 |

***Phường Vệ An***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 43 | Làng Vệ An | Làng nội thị; làng ven núi | Bảo tồn công trình kiến trúc Thành cổ Bắc Ninh, Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, cây xanh, mặt nước khu vực hồ Thành. | Mức 3 |

***2. Huyện Tiên Du (36 làng)***

**Thị trấn Lim**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 01 | Làng Duệ Đông | Làng nội thị; làng quan họ; | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Duệ Đông (Phúc Bình), đền Duệ Đông (đền Bắc Hợp); Bảo tồn, tôn tạo đường làng, không gian cây xanh mặt nước, không gian lễ hội, cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ, văn hóa hát Cửa Đình (Ca Trù); | Mức 3 |
| 02 | Làng Lũng Giang (làng Lim) | Làng nội thị; làng nghề; làng buôn bán; làng quan họ; làng khoa bảng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Lũng Giang (đình Hội Sở), chùa, nghè Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan núi Lim (núi Hồng Vân), di tích sông Tiêu Tương, cây xanh, cảnh quan các đồi thấp; Bảo tồn không gian lễ hội, văn hóa hội Lim; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; Bảo tồn di sản văn hóa khoa bảng (18 vị đỗ đại khoa); Khôi phục nghề se tơ, dệt lụa cổ truyền, tôn tạo chợ Cầu Lim; | Mức 3 |
| 03 | Làng Lũng Sơn | Làng nội thị; thuần nông; làng quan họ | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Phúc Hậu (đình Trong), nhà Thủy Đình, đình Lũng Sơn (đình Ngoài), đền Liễu Giáp, đền Cao Sơn, đền Trung Sơn, chùa Hồng Ân (đỉnh núi Lim), lăng Nguyễn Diễn, cổng làng, nhà cổ; Bảo tồn di chỉ khảo cổ Vườn Mao; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan chân núi Lim, di tích sông Tiêu Tương, cây xanh, cảnh quan các đồi thấp; Bảo tồn không gian lễ hội, văn hóa hội Lim; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; Khôi phục nghề se tơ dệt lụa cổ truyền; | Mức 3 |

**Xã Nội Duệ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** |  |
| 04 | Làng Đình Cả | Làng ven thị;  làng quan họ; làng đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Đình Cả, chùa Cổ Lũng, đền Cổ Lũng; lăng mộ, nhà thờ quận công Đỗ Nguyên Thụy, đền thờ [Nguyễn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n) Diễn, nhà thờ họ Đỗ, nhà ở cổ, đường làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ, không gian lễ hội; Bảo tôn làng nghề xây dựng, nghề dệt lụa tơ tằm; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, kênh Trịnh Xá, cảnh quan di tích sông Tiêu Tương. | Mức 3 |
| 05 | Làng Duệ Nam | Làng ven thị; làng quan họ; làng đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Duệ Nam, chùa Duệ Nam (Cổ Nam tự); Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ, không gian lễ hội; Bảo tồn, tôn tạo không gian cây xanh, cảnh quan di tích sông Tiêu Tương; | Mức 3 |
| 06 | Làng Lộ Bao | Làng ven thị; làng quan họ; làng đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa, giếng làng; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ, không gian lễ hội; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan di tích sông Tiêu Tương; | Mức 3 |

**Xã Phú Lâm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 07 | Làng Vĩnh Phục | Làng ven thị; đồng bằng; thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Vĩnh Phục, chùa làng Vĩnh Phục (Bà Đanh); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; | | Mức 3 |

**Xã Liên Bão**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 08 | Làng Bái Uyên  (Bưởi) | Làng ven thị; làng quan họ;lđồng bằng; thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Bái Uyên, chùa Bái Uyên (Chiếu Phúc tự), nghè Bái Uyên, nhà chứa bọn Quan họ; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; | Mức 3 |
| 09 | Làng Hoài Thị  (Bựu Sim) | Làng ven thị; làng quan họ; làng đồng bằng; thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Hoài Thị, chùa Hoài Thị (Đại Bi tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan kênh Nam; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; | Mức 3 |
| 10 | Làng Hoài Trung  (Bựu giữa) | Làng ven thị; làng quan họ; đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Hoài Trung, nhà thủy đình, chùa Hoài Trung (Hưng Phúc tự), nghè, điếm; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; | Mức 3 |

**Xã Lạc Vệ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** | |
| 11 | Làng  Hộ Vệ | Làng  ven thị;  thuần nông; đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Hộ Vệ, chùa làng Hộ Vệ (Tăng Lục tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan; | Mức 3 | |
| 12 | Làng Hương Vân | Làng ven thị; thuần nông;làng ven núi | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Hương Vân, chùa Hương Vân, nghè; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan núi thấp; | Mức 3 | |
| 13 | Làng Nam Viên (Ấp Đạo) | Làng ven thị; thuần nông; làng đồng bằng | Bảo tồn công trình kiến trúc Nhà Thờ (Công giáo) Nam Viên; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh mặt nước, cây xanh cảnh quan; | Mức 3 | |
| 14 | Làng Nội Viên | Làng ven thị; thuần nông; đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Nội Viên, chùa Nội Viên; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cổng làng, đường làng; | Mức 3 | |
| 15 | Làng Xuân Hội | Làng ven thị; làng nghề; đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Xuân Hội, chùa làng Xuân Hội (Phúc Nguyên tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan; Bảo tồn, phát huy nghề mây tre đan mỹ nghệ; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng | | Mức 3 | |

**Xã Hiên Vân**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | | | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | | **Mức độ bảo tồn** |
| 16 | | Ngang Nội | Làng nội thị; ven núi; thuần nông;  làng quan họ | | | tồn các công trình kiến trúc đình Ngang Nội, chùa Ngang Nội (Hồng Phúc tự), nghè; Bảo tồn, tôn tạo không mặt nước, cây xanh cảnh quan, đồi rừng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; Bảo tồn phát huy văn hóa ẩm thực: rượu Ngang Nội (Danh Tửu), rau muống “Tấn Cung”; Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ; | Mức 3 |

**Xã Việt Đoàn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 17 | Làng Đại Tảo | Làng ven thị; thuần nông;  ven núi | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Đại Tảo, Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan rừng cây núi Phượng Hoàng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; | Mức 3 |
| 18 | Làng Liên Ấp | Làng ven thị; thuần nông;  ven núi | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Chù Mộc tự); Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan dọc kênh Tào Khê; | Mức 3 |

**Xã Phật Tích**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 19 | Làng Ngô Xá | Làng ven thị, làng ven núi, thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa Ngô Xá (Bà Ốc Tự); Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan, rừng thông núi Lạn Kha (Vạn Phúc); Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; | Mức 3 |

**Xã Tân Chi**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 20 | Làng Văn Trung | Làng ven thị, đồng bằng thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Phú Lộc tự), Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan; | Mức 3 |
| 21 | Làng Tư Chi (Tư Vi và Chi Nội) | Làng ven thị; đồng bằng; thuần nông | ; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Tư Vi, đình Chi Nội, chùa Tư Vi, chùa Chi Nội (Linh Quang tự); Bảo tồn không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan; | Mức 3 |
| 22 | Làng Chi Hồ | Làng ven thị; làng ven sông; thuần nông | các công trình kiến trúc đình, chùa (Hiển Tường tự); Bảo tồn không gian, mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống; | Mức 3 |

**Xã Minh Đạo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** |  |
| 23 |  | Làng Tử Nê | Làng ven thị; làng ven sông; thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa làng Tử Nê (Kim Liên tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống; | Mức 3 |

**Xã Cảnh Hưng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** |  |
| 24 | Làng Rền | Làng ven thị, làng ven sông, thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống; | Mức 3 |
| 25 | Làng Trung | Làng ven thị, làng ven sông, thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Phá Quang tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống | Mức 3 |

**Xã Tri Phương**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 26 | Làng Lương | Làng ven thị; làng ven sông; thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Lương, chùa làng Lương (Phổ Quang tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Tào Khê | Mức 3 |
| 27 | Làng Giáo | Làng ven thị; làng ven sông; thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc nhà thờ Công giáo họ Dũng Vy, đình Dũng Vy; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Tào Khê; | Mức 3 |
| 28 | Làng Đinh | Làng ven thị; làng ven sông; thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Đinh, chùa làng Đinh (chùa Ve), nhà thờ họ Vũ Quang, Tư gia họ Vũ; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Đuống; | Mức 3 |

**Xã Đại Đồng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 29 | Làng Đại Trung | Làng ven thị;thuần nông; làng ven sông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Đại Trung; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Tào Khê; | Mức 3 |
| 30 | Làng Đại Thượng | Làng ven thị; thuần nông; đồng bằng; làng ven sông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Đại Thượng, chùa (Phong Quang tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan sông Tào Khê; | Mức 3 |
| 31 | Làng Dương Húc | Làng ven thị; thuần nông; đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Pháp Quang tự), đền Tam Giang, đền thờ Đức Thánh Cả, Nhà thờ Nguyễn Đương Hồ; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan sông Tào Khê; Bảo tồn nâng cấp chợ Húc; | Mức 3 |

**Xã Hoàn Sơn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 32 | Làng Móng | Làng ven thị; thuần nông; làng ven núi | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Linh Quang tự), đền; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan núi Móng; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; | Mức 3 |
| 33 | Làng Bất Lự | Làng ven thị, làng ven núi, thuần nông | ; Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Bất Lự, chùa (Sùng Khánh tự), chùa Cao (Nguyệt Hằng Sơn); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan núi Bất Lự; Đề nghị nhà ở dân cư khu vực sườn đồi xây dựng thấp tầng; | Mức 3 |
| 34 | Làng Đại Sơn | Làng ven thị, thuần nông | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Đông Lâu; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan; | Mức 3 |
| 35 | Làng Đoài | Làng ven thị,thuần nông, đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Ninh Phúc tự), Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan; | Mức 3 |
| 36 | Làng Đông | Làng ven thị, thuần nông, đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình, chùa (Tiên Ninh tự), miếu; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh cảnh quan; | Mức 3 |

***3. Thị xã Từ Sơn (22 làng).***

**Xã Hương Mạc**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 01 | Làng Kim Thiều (làng Mấc) | Làng ngoại thị, làng nghề, làng khoa bảng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Kim Thiều, chùa Kim Thiều (Kim Khánh tự), đền thờ tiến sỹ họ Trần, đền thờ các tiến sỹ họ Nguyễn Doãn; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn nghề nghề trạm khắc gỗ; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh phía tây bắc làng | Mức 3 |
| 02 | Làng Kim Bảng | Làng ngoại thị, làng nghề, làng đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Kim Bảng, chùa Kim Bảng (Khánh Tâm tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn nghề mộc, gỗ mỹ nghệ; | Mức 3 |
| 03 | Làng Hương Mạc | Làng ngoại thị, làng nghề , làng khoa bản, làng đồng bằng. | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Hương Mạc, chùa Hương Mạc (Sùng Hột tự), đền thờ tiến sỹ Đàm Thuận Huy, đền thờ Đàm Quốc Sư, đền thờ TS- Thế Quận Công Đàm Đình Cư, đền thờ trạng Nguyên Nguyễn Giản Thanh, đền thờ Hoàng Giáp Đỗ Đại Uyên; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn nghề nghề trạm khắc gỗ | Mức 3 |
| 04 | Làng Đồng Hương | Làng ngoại thị, làng nghề , làng ven sông, | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Đồng Hương, chùa làng Đồng Hương (Tôn Linh tự); Từ đường họ Nguyễn Chu, đền thờ tiến sĩ Nguyễn Chu; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh, cảnh quan ven sông; Bảo tồnn, ghề nghề trạm khắc gỗ | Mức 3 |

**Xã Phù Khê**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 05 | Làng Phù Khê Thượng | Làng ngoại thị, làng nghề | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Phù Khê Thượng, nghè làng Phù Khê Thượng, từ Đường họ Nguyễn – Phù Khê, khu tưởng niệm Đ/c Nguyễn Văn Cừ; Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn nghề nghề trạm khắc gỗ; | Mức 3 |
| 06 | Làng Phù Khê Đông | Làng ngoại thị, làng nghề | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Phù Khê Đông, Nghè làng Phù Khê Đông, chùa làng Phù Khê Đông (Vĩnh Lại tự); Bảo tồn, tôn tạo không gian mặt nước, cây xanh; Bảo tồn nghề nghề trạm khắc gỗ; | Mức 3 |

**Phường Châu Khê**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** |  |
| 07 | Làng Đa Hội | Làng nội thị, làng nghề, làng ven sông, đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đền thờ Thuần Quận công Tổ sư nghề sắt làng Đa Hội, chùa làng Đa Hội (Sùng Khánh tự); Bảo tồn nghề rèn sắt; Bảo tồn cảnh quan cây xanh mặt nước ven sông Ngũ Huyện Khê; | Mức 3 |
| 08 | Làng Đa Vạn | Làng nội thị, làng nghề, ven sông, đồng bằng | Bảo tồn hình thái làng; Bảo tồn các công trình kiến trúc chùa làng Đa Vạn (Cổ Linh tự); Bảo tồn nghề rèn sắt; Bảo tồn cảnh quan cây xanh mặt nước ven sông Ngũ Huyện Khê; | Mức 3 |
| 09 | Làng Song Tháp | Làng nội thị, làng nghề | Bảo tồn các công trình kiến trúc chùa làng Song Tháp (Khánh Long tự); Bảo tồn nghề rèn sắt; Bảo tồn cảnh quan cây xanh mặt nước ven sông Ngũ Huyện Khê | Mức 3 |
| 10 | Làng Trịnh Xá | Làng nội thị, làng nghề | Bảo tồn các công trình kiến trúc đền Trịnh Xá, chùa làng Trịnh Xá Hưng Quang tự). Bảo tồn nghề rèn sắt; Bảo tồn cảnh quan cây xanh mặt nước | Mức 3 |
| 11 | Làng Đồng Phúc | Làng nội thị, làng ven sông | Bảo tồn các công trình kiến trúc: đình làng Đồng Phúc, chùa làng Đồng Phúc (Đại Bi tự); Bảo tồn cảnh quan cây xanh mặt nước ven sông Ngũ Huyện Khê; | Mức 3 |

**Phường Đồng Kỵ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 12 | Làng Đồng Kỵ | Làng nội thị, làng ven sông, làng nghề | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Đồng Kỵ, chùa Đồng Kỵ (Tây An tự), đền Đồng Kỵ, nhà truyền thống làng (trưng bày hai quả pháo gỗ lớn dát vàng ta), nhà ở cổ (nhà gỗ), nhà thờ họ; Bảo tồn, tôn tạo cảnh ven sông Ngũ Huyện Khê, hệ thống đường làng, 06 cây di sản Việt Nam; Bảo tồn làng nghề nghề trạm khắc gỗ; Bảo tồn lễ hôi rước pháo Đồng Kỵ; | Mức 3 |

**Phường Đình Bảng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 13 | Làng Đình Bảng | Làng nội thị, làng buôn bán, làng nghề. | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Đình Bảng, chùa Cổ Pháp (Ứng Tâm tự), chùa Xuân Đài (Kim Đài tự), chùa Giỏ (chùa Quang Đổ), chùa Dận, đền Đô, đền Rồng, nhà cụ Đám Thi, từ đường họ Nguyễn Thạc; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan mặt nước, cảnh quan di tích sông Tiêu Tương, đường làng cổ lát đá xanh; Bảo tồn khu Lăng Sơn Cấm Địa; Bảo tồn phat huy văn hóa ẩm thực: cỗ, bánh Phu Thê, rượu Đình Bảng; | Mức 3 |

**Xã Tương Giang**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 14 | Làng Tạ Xá (Tiêu Tè) | Làng ngoại thị, ven sông, làng quan họ, đồng bằng | ; Bảo tồn công trình kiến trúc chùa Tạ Xá (Thiên Hoa tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; Đề xuất quy hoạch không gian đệm cây xanh quanh làng. Bảo tồn di sản văn hóa Quan họ. | Mức 3 |

**Phường Đồng Nguyên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 15 | Làng Lễ Xuyên | Làng nội thị làng ven sông, làng đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Lễ Xuyên, chùa Lễ Xuyên (Sùng Phúc tự), Đền làng Lễ Xuyên; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương. | Mức 3 |
| 16 | Làng Vĩnh Kiều | Làng nội thị , ven sông, khoa bảng, | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Vĩnh Kiều, chùa thônVĩnh Kiều (Thiên Ứng tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương | Mức 3 |
| 17 | Làng Tam Lư | Làng nội thị, đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Tam Lư, chùa Tam Lư (Kính Thiên tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; | Mức 3 |
| 18 | Làng Nguyễn Thụ | Làng nội thị, đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc: Đền Nguyễn Thụ, chùa Nguyễn Thụ (Diên Phúc tự). Bảo tồn nhà cụ Tú Ba. | Mức 3 |

**Phường Tân Hồng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 19 | Làng Đại Đình | Làng nội thị, ven sông, đồng bằng | | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình làng Đại Đình, chùa làng Đại Đình (Cổ Pháp tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; | Mức 3 |
| 20 | Làng Dương Lôi | Làng nội thị; ven sông; làng đồng bằng | | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Dương Lôi, chùa làng Dương Lôi (Cha Lư tự), đền thờ Lý Triều Thánh Mẫu; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; | Mức 3 |
| 21 | Làng Yên Lã | Làng nội thị; ven sông; đồng bằng | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Yên Lã, chùa làng Yên Lã (Vô Vi tự); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, di tích sông Tiêu Tương; | | Mức 3 |

**Phường Đông Ngàn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 22 | Làng Phù Lưu (làng Giầu) | Làng nội thị; làng buôn bán | Bảo tồn các công trình kiến trúc đình Phù Lưu, chùa Phù Lưu (Pháp Quang tự), đền làng Phù Lưu, đền Đầm (Thủy Tiên Linh từ); Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan mặt nước, cây di sản, cổng làng, đường làng lát gạch, đá cổ; Bảo tồn cảnh quan hồ đền Đầm, di chỉ khảo cổ. | Mức 3 |

***4. Huyện Quế Võ (05 làng)***

**Xã Chi Lăng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 01 | Làng Thủy  (Tỏi Thủy) | Làng ven thị;  làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa làng Thủy; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống hồ nước; Cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; | Mức 3 |
| 02 | Làng Quế Ổ | Làng ven thị; ven sông; thuần nông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa, lăng và nhà thờ 18 vị Quận công họ Nguyễn Đức; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống hồ nước, cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; | Mức 3 |

**Xã Hán Quảng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 03 | Làng Hán Đà | Làng ven thị;  làng ven sông;  thuần nông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình Hán Đà, chùa Hán Đà (Linh Ứng Thiền tự), đền thờ Nguyên Đăng; Bảo tồn Hệ thống hồ nước, cải tạo chỉnh trang cảnh quan bên sông Đuống; | Mức 3 |

**Xã Yên Giả**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Làng** | **Phân nhóm** | **Nội dung cần bảo tồn** | **Mức độ bảo tồn** |
| 04 | Làng Nga Hoàng | Làng ven thị;  Làng đồng bằng;  thuần nông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa làng Nga Hoàng; Bảo tồn, tôn tạo hệ thống hồ nước, cây xanh, cải tạo chỉnh trang cảnh quan ngòi Con Tên; Đề xuất quy hoạch vùng đệm bằng không gian xanh bao quanh làng | Mức 3 |
| 05 | Làng Phượng Lưu | Làng ven thị;  Làng đồng bằng;  thuần nông | Bảo tồn công trình kiến trúc đình, chùa; Bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, mặt nước, cây xanh quanh làng; | Mức 3 |

**- Tổng số làng cần bảo tồn hình thái làng (Mức độ 1): *32 làng/194 làng (16,5%)***

+ Thành phố Bắc Ninh: 14 làng/72 làng (chiếm 18,6%)

+ Huyện Tiên Du: 8 làng/64 làng (chiếm 12,5%)

+ Thị xã Từ Sơn: 8 làng/43 làng (chiếm 18,6%)

+ Huyện Quế Võ: 2 làng/15 làng (chiếm 13,3%)

**- Tổng số làng cần bảo tồn hình thái làng (Mức độ 2): *56 làng/194 làng (28,9%)***

+ Thành phố Bắc Ninh:15 làng/72 làng (chiếm 20,8%)

+ Huyện Tiên Du: 20 làng/64 làng (chiếm 31,2%)

+ Thị xã Từ Sơn: 13 làng/43 làng (chiếm 30,2%)

+ Huyện Quế Võ: 8 làng/15 làng (chiếm 53,3%)

**- Tổng số làng cần bảo tồn công trình kiến trúc và không gian công cộng (Mức độ 3): *106 làng/194 làng (54,6%)***

+ Thành phố Bắc Ninh:43làng/72 làng (chiếm59,7%)

+ Huyện Tiên Du: 36 làng/64 làng (chiếm 56,2%)

+ Thị xã Từ Sơn: 22 làng/43 làng (chiếm 51,2%)

+ Huyện Quế Võ: 05 làng/15 làng (chiếm 33,3%)

**- Tổng số làng cần bảo tồn cảnh quan: *73 làng/194 làng (37,6%)***

+ Thành phố Bắc Ninh: 22 làng /72 làng (30,6%)

+ Huyện Tiên Du: 26 làng/64 làng (40,6%)

+ Thị xã Từ Sơn: 18 làng/43 làng (41,9%)

+ Huyện Quế Võ: 7 làng/15 làng (46,7% )

**- Tổng số làng có giá trị văn hóa: *67 làng/194 làng(34,5%)***

+ Thành phố Bắc Ninh: 36 làng/72 làng (chiếm 50%)

+ Huyện Tiên Du: 15làng/64 làng (chiếm 23,4%)

+ Thị xã Từ Sơn: 13làng/43 làng (chiếm 30,2%)

+ Huyện Quế Võ: 3 làng/15 làng (chiếm 20,0%)

**- Tổng số làng nghề cần bảo tồn: *35 làng/194 làng(18%)***

+ Thành phố Bắc Ninh: 07 làng/72 làng (chiếm 9,7,8%)

+ Huyện Tiên Du: 09làng/64 làng (chiếm 14,1%)

+ Thị xã Từ Sơn: 19 làng/43 làng (chiếm 44,2%)

Trên đây là những nội dung cần được bảo tồn cho từng làng cụ thể được tổng hợp từ nguyện vọng thực tế của người dân và kết quả phân tích, đánh giá của nhóm nghiên cứu.